Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 5401.10.90

Mã HS	5401.10.90
Mô tả hàng hóa	Chỉ khâu làm từ sợi filament nhân tạo, đã hoặc chưa đóng gói để bán lẻ / - Từ sợi filament tổng hợp: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/m
Thời điểm tạo	05/11/2026 17:55:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/54011090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8308
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8308
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8308
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7917
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7870
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7870
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7870
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7870
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7870
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7870
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	5	AJ!E7920
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7920
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7920

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7920
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7920
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7920
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7921
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7921
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7921
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7921
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7921
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7921
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7922
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7876
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7884
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7884
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7884
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7884
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7884
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7884
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7906
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7906
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7906
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7906
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7906
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7906
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7952
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7952
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7952

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7952
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7952
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7952
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7932
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7932
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7932
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7932
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7932
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7932
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D7945
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E7945
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F7945
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G7945
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H7945
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I7945
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7949
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7949
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7949
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7949
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7949
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7949
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7950
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7950
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7950
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7950
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7950

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7950
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7900
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7900
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7900
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7900
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7900
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7900
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7900
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7937
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7937
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7937
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7937
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7937
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7937
RCEP B	2022	2022	0	B!D7937
RCEP B	2023	2023	0	B!E7937
RCEP B	2024	2024	0	B!F7937
RCEP B	2025	2025	0	B!G7937
RCEP B	2026	2026	0	B!H7937
RCEP B	2027	2027	0	B!I7937
RCEP C	2022	2022	0	C!D7937
RCEP C	2023	2023	0	C!E7937
RCEP C	2024	2024	0	C!F7937
RCEP C	2025	2025	0	C!G7937
RCEP C	2026	2026	0	C!H7937
RCEP C	2027	2027	0	C!I7937

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D7937
RCEP D	2023	2023	0	D!E7937
RCEP D	2024	2024	0	D!F7937
RCEP D	2025	2025	0	D!G7937
RCEP D	2026	2026	0	D!H7937
RCEP D	2027	2027	0	D!I7937
RCEP E	2022	2022	0	E!D7940
RCEP E	2023	2023	0	E!E7940
RCEP E	2024	2024	0	E!F7940
RCEP E	2025	2025	0	E!G7940
RCEP E	2026	2026	0	E!H7940
RCEP E	2027	2027	0	E!I7940
RCEP F	2022	2022	0	F!D7937
RCEP F	2023	2023	0	F!E7937
RCEP F	2024	2024	0	F!F7937
RCEP F	2025	2025	0	F!G7937
RCEP F	2026	2026	0	F!H7937
RCEP F	2027	2027	0	F!I7937
VIFTA	2024	2024	0	VI!F7327
VIFTA	2025	2025	0	VI!G7327
VIFTA	2026	2026	0	VI!H7327
VIFTA	2027	2027	0	VI!I7327

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 5401.10 có 2 dòng thuế; dòng 5401.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	5401.10.10 Đã đóng gói để bán lẻ	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc để nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5401.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 5401.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8308), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.